

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán khảo sát, cắm mốc giới Quy hoạch chi tiết tôn tạo Khu di tích lịch sử Phủ Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu di tích Phủ Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Văn bản số 6851/UBND-THKH ngày 29/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án cắm mốc giới Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu di tích Phủ Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1665/SXD-QH ngày 18/3/2021 và của UBND huyện Vĩnh Lộc tại Tờ trình 23/TTr-UBND ngày 02/02/2021 về việc phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán khảo sát, cắm mốc giới Quy hoạch chi tiết tôn tạo Khu di tích lịch sử Phủ Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán khảo sát, cắm mốc giới Quy hoạch chi tiết tôn tạo Khu di tích lịch sử Phủ Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc với nội dung sau:

1. Tên dự án: Cắm mốc giới Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu di tích Phủ Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.
2. Chủ đầu tư: UBND huyện Vĩnh Lộc.
3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.
4. Địa điểm thực hiện: Tại xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.
5. Mục đích, yêu cầu:

- Mục đích: Nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ bảo vệ di tích theo quy hoạch; Làm căn cứ giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư trong khu di tích, phục vụ phát triển du lịch.

- Yêu cầu: Công tác cắm mốc phải tuân thủ hệ thống quy trình, quy phạm hiện hành và các quy định của pháp luật về công tác cắm mốc giới quy hoạch.

#### 6. Phạm vi khu vực cắm mốc:

- Theo Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu di tích Phủ Trịnh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021, quy mô tổng diện tích Khu di tích Phủ Trịnh là 11,72ha, bao gồm: Phần diện tích trong đê là 6,375ha; Phần diện tích ngoài đê là 5,345ha. Trong đó: Tại phần diện tích trong đê (6,375ha), có 3,84 ha đã được cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt năm 2015 (*Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh*), diện tích còn lại cần thực hiện cắm mốc để quản lý là 2,535ha.

- Tổng diện tích Khu di tích Phủ Trịnh cần phải thực hiện cắm mốc quy hoạch tại quyết định này là 7,88ha. Trong đó:

+ Tại phần diện tích trong đê: 2,535ha;

+ Phần diện tích ngoài đê: 5,345ha.

#### 7. Yêu cầu quy cách mốc, khối lượng và phương án thực hiện.

a) Quy cách: Cột mốc bao gồm đế mốc và thân mốc. Thân mốc có chiều dài 90cm được sản xuất bằng bê tông cốt thép mác 200#. Đế mốc được đổ bằng bê tông mác 200 có kích thước 40x40x50cm. Thân mốc được chôn sâu xuống phần đế mốc là 40cm. Độ sâu phần móng chôn mốc tối thiểu là 100cm. Đầu mốc được sơn đỏ cao 80mm, thân cọc được sơn màu trắng. Các chữ ghi số hiệu cọc, được phun sơn màu đỏ. Các cọc được chôn phải đảm bảo an toàn cho người và phương tiện giao thông qua lại.

- Mốc ranh giới các khu vực: Là mốc xác định đường ranh giới khu vực cắm xây dựng; khu vực bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa và các khu vực cần bảo vệ khác, có ký hiệu RG, mặt cắt ngang hình tam giác đều chiều dài cạnh 15cm.

#### b) Khối lượng thực hiện.

- Khối lượng giải phóng mặt bằng để đào móng chôn mốc: Tạm tính khoảng 45 m<sup>2</sup>.

- Khối lượng và khoảng cách các mốc giới (khoảng cách trung bình) thực hiện:

+ Số lượng mốc dự kiến: 45 Mốc ranh giới quy hoạch;

+ Khoảng cách trung bình giữa 2 mốc cắm phần diện tích trong đê vào khoảng 43,7m; Phần diện tích ngoài đê khoảng 61,5m.

#### c) Phương án thực hiện:

- Bản đồ dùng trong công tác định vị mốc giới quy hoạch Khu di tích Phủ Trịnh phải thực hiện trên nền Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°.

- Khoảng cách giữa các mốc được xác định bằng tọa độ giữa 2 mốc liền kề; do địa hình, địa mạo khu vực cắm mốc tại một số vị trí thuộc vùng đồi, núi, và ranh giới các khu di tích, nên những trường hợp giữa 2 mốc giới liền kề có khoảng cách nhỏ hơn hoặc bằng 30 mét thì phải giải trình trong hồ sơ cắm mốc.

- Trường hợp đặc thù: Trong quá trình thực hiện cắm mốc theo toạ độ bản vẽ thiết kế được duyệt, một số mốc rơi vào vị trí không chôn mốc bê tông được như nhà cửa, đường nhựa, hoặc ao hồ, kênh mương,... hoặc chưa được giải phóng đền bù thì các vị trí đó được đánh dấu bằng sơn đỏ, đinh sắt, cọc tre tạm. Sau đó được lưu vào các vị trí cố định khác, bằng mốc bê tông ở vị trí thuận lợi, ổn định, đảm bảo độ bền vững, chắc chắn lâu dài tại thực địa, sau đó các mốc đó được vẽ sơ hoạ chỉ dẫn và hoàn công.

- Công tác thực hiện tại hiện trường: Nhận nhiệm vụ, lập hồ sơ cắm mốc, chuẩn bị dụng cụ, vật tư trang thiết bị, chọn điểm khống chế cao độ toạ độ, sử dụng máy toàn đạc điện tử (đã được kiểm nghiệm và có độ chính xác cao) để định hướng, định vị điểm mốc cần cắm theo đúng hồ sơ cắm mốc giới được duyệt và đảm bảo các quy định kỹ thuật đo đạc. Phát dọn vị trí thi công cắm mốc; đào đất hố chôn móng; vận chuyển chôn mốc đúng yêu cầu thiết kế. Hoàn thành đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật, nghiệm thu, bàn giao cho Chủ đầu tư.

8. Thời gian và tiến độ: Thời gian lập hồ sơ cắm mốc giới không quá 01 tháng (tính từ ngày nhiệm vụ được duyệt).

9. Dự toán kinh phí:

Tổng giá trị dự toán sau thuế: 134.668.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba triệu, sáu trăm sáu tám nghìn đồng).

*(Có Phụ lục chi tiết dự toán kèm theo)*

10. Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp kinh tế (theo Văn bản số 6851/UBND-THKH ngày 29/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

- Giao Chủ đầu tư (UBND huyện Vĩnh Lộc) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành trong công tác cắm mốc giới quy hoạch.

- Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đầu Thanh Tùng**

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN CẤM MỐC**  
**CÔNG TRÌNH: CẤM MỐC GIỚI QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU DI TÍCH PHỦ TRỊNH,**  
**XÃ VĨNH HÙNG, HUYỆN VĨNH LỘC**  
*(Kèm Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Khối lượng	Đơn giá (Trước thuế)	Thành tiền (đồng)		
						Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
<b>I</b>	<b>CHI ĐÈN BÙ GPMB ĐỂ CẤM MỐC (tạm tính)</b>		Số lượng vị trí cấm mốc x đơn giá/m <sup>2</sup>	45	<b>300.000</b>			<b>13.500.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>Gxd</b>				<b>82.229.100</b>	<b>8.222.910</b>	<b>90.452.010</b>
1	Mốc cọc ranh giới (số lượng 45 mốc)		Số lượng mốc x Đơn giá cấm 01 mốc (Trước thuế)	45	<b>1.827.313</b>	82.229.100	8.222.910	90.452.010
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>Gqld</b>	$(G_{XD})^{trước VAT} \times 3.282\%$			<b>2.698.759</b>		<b>2.698.759</b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>Gtv</b>				<b>8.046.117</b>	<b>804.612</b>	<b>8.850.729</b>
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kế thuật		$GXD_{trước VAT} \times 6.5\%$			5.344.892	534.489	5.879.381
1	Chi phí giám sát thi công XD		$GXD_{trước VAT} \times 3.285\%$			2.701.226	270.123	2.971.349
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Gk</b>					<b>0</b>	<b>6.923.770</b>
1	Lệ phí thẩm định báo cáo KT-KT		$Gxd \times (0,258+0,250)/100 \times 1,2$			501.269		501.269
2	Chi phí đấu thầu	<b>GCPĐ</b>						<b>5.000.000</b>
	Chi phí lập hồ sơ mời thầu		Mức tối thiểu 1.000.000đ					1.000.000
	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu		Mức tối thiểu 1.000.000đ					1.000.000
	Chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển thầu		Mức tối thiểu 1.000.000đ					1.000.000
	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thầu		Mức tối thiểu 1.000.000đ					1.000.000
	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		Mức tối thiểu 1.000.000đ					1.000.000
3	CP thẩm tra, duyệt quyết toán (TT10/2020/TT-BTC)		$(Gxd+Gqlda+Gtv) \times 0.57\%$			529.952		529.952
4	Chi phí kiểm toán (TT10/2020/TT-BTC)		$(Gxd+Gqlda+Gtv) \times 0.96\%$			892.550		892.550
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>GDP</b>	<b>GDP1 + GDP2</b>			<b>0</b>	<b>-</b>	<b>12.242.527</b>
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh và trượt giá	<b>GDP1</b>	$(I+II+III+IV+V) \times 10\%$					12.242.527
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá (tạm tính tỉ lệ % theo dự toán thiết kế)	<b>GDP2</b>	$(I+II+III+IV+V) \times 0\%$					
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>TMĐT</b>						<b>134.667.796</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>	<b>TMD</b>						<b>134,668,000</b>

(Bảng chữ: Một trăm ba tư triệu, sáu trăm sáu tám nghìn đồng)

